TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2025
V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Sĩ Q, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Võ Sĩ Q trình bày:

Ông Võ Sĩ Q và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên (nay là phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương vào năm 2000, theo giấy chứng nhận kết hôn số 219. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông Q và bà L sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hai vợ chồng không thể tự giải quyết được với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Trước đây đã nộp đơn lên Toà án yêu cầu giải quyết ly hôn, tuy nhiên do không thoả thuận được vấn đề tài sản, nên sau một quá trình tố tụng dài thì ông Q đã rút lại yêu cầu khởi kiện. Nay, ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Sĩ L, sinh ngày 21/7/1999 và Võ Sỹ S, sinh ngày 10/8/2001. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà L có yêu cầu phản tố chia tài sản chung, tuy nhiên sau đó vợ chồng đã thoả thuận được với nhau về việc tự giải quyết nên bà L đã rút lại yêu cầu phản tố. Ông Q đồng ý việc rút yêu cầu phản tố của bà L và không có ý kiến bổ sung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn phản tố:

Thống nhất với lời trình bày của ông Q về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung.

Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q có có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, đã sống chung với người đó hơn 12 năm nay còn có con chung với nhau. Vợ chồng sống ly thân với nhau, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương gì nhau. Nay, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không đoàn tụ hạnh phúc được với nhau, nên đồng ý ly hôn với ông Q.

Về con chung: Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L yêu cầu phản tố yêu cầu Toà án giải quyết gồm; Yêu cầu chia hai tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 113, tờ bản đồ 54 tại ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu được nhận bằng hiện vật ½ tài sản.

Ngày 11/02/2025, bà L có đơn rút yêu cầu phản tố trên.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Ly hôn". Đình chỉ yêu cầu phản tố "Chia tài sản khi ly hôn" của bị đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn, bị đơn hiện đang cư trú tại phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[1.3] Xét việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia tài sản khi ly hôn. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên (nay là phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên), theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 219, cấp ngày 23/5/2000 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn rồi cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng không tự giải quyết được nên vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng các đương sự xác định tình cảm đã hết, không đồng ý đoàn tụ cùng thống nhất giải quyết ly hôn. Do đó, Toà án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông Q và bà L.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung Võ Sĩ L, sinh ngày 21/7/1999 và Võ Sỹ S, sinh ngày 10/8/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Bà L tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, do đó bà L phải chịu và đã nộp đủ.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu "Chia tài sản khi ly hôn" đối với nguyên đơn ông Võ Sĩ Q.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Sĩ Q về việc "Ly hôn" với bị đơn bà Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Võ Sĩ Q và bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Con chung Võ Sĩ L, sinh ngày 21/7/1999 và Võ Sỹ S, sinh ngày 10/8/2001. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Đã nộp đủ.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Võ Sĩ Q phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001231 ngày 01/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001631 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Loan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- UBND phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (GCNKH số 219 ngày 23/5/2000);
- Lưu HS, AV.